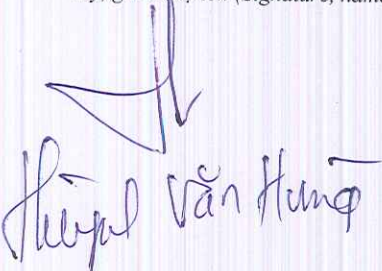



YÊU CẦU CHUYỂN TIỀN KIÊM GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA NGOẠI TỆ GIAO NGAY APPLICATION FOR REMITTANCE AND SPOT FX APPLICATION FORM		Số chuyển tiền (REF no):
Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) To: J.S.C. Bank for Foreign Trade of Vietnam (VCB)		Ngày giao dịch (Transaction Date) 06/10/2025
Phương thức chuyển tiền (Remittance Method): <input checked="" type="checkbox"/> SWIFT <input type="checkbox"/> Séc (Bank draft)		
QUÝ KH LƯU Ý: 1. Điền vào các mục dưới đây bằng chữ in hoa hoặc đánh dấu (x) vào chỗ thích hợp. Các mục có dấu (*) cần được điền đầy đủ (Please complete in Block Letters and tick where applicable. Fields with (*) must be completed). 2. Đọc kỹ các điều kiện chuyển tiền của VCB (Phụ lục đi kèm). (Please refer carefully to the conditions enclosed) 3. Khi cần liên hệ với VCB về giao dịch này xin sử dụng số chuyển tiền (Ref no) in ở góc trên bên phải của yêu cầu chuyển tiền. (Please refer the Reference number printed in the top of the right corner of this application form incase of contact.)		
1	Khách hàng chuyển tiền (Customer - Remitter) (*)	50
(i)	Khách hàng cá nhân (Individual)	
Tên (Name):		
CMND/thẻ CCCD/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/ Hộ chiếu số (ID/PP No.)/Thị thực nhập cảnh số :		Ngày cấp (Date of issue):
Nơi cấp (Place of issue):		
Địa chỉ (Add):		
Điện thoại (Tel):		
(ii)	Khách hàng tổ chức (Organization)	
Tên (Name): CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THỎM		
ĐKDN/ĐKKD/GCN đầu tư/Giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương số 0309391503 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2021 Business Registration/Investment Licence/any other documents of equivalent legal value No..... issued by..... dated.....		
Địa chỉ đăng ký trụ sở (Registered add.): 12/14/18 Đường 49, khu phố 69, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh		
Người đại diện (Legal representative): Nguyễn Bảo Thạch		Chức vụ (position): Phó Giám đốc
Điện thoại (Tel): 028 6290 6631		Fax:
Với mọi trách nhiệm thuộc về phần mình, Tôi/Chúng tôi đề nghị VCB thực hiện giao dịch với chi tiết dưới đây: With our responsibilities, we would like to request VCB make a transaction as below:		
2	Số tiền yêu cầu chuyển đi (Instructed amount) (*)	
(i)	Số tiền yêu cầu chuyển đi bằng số (Amt in figures) (*); 26,600.00 USD	32
Bằng chữ (Amt In words): Hai mươi sáu ngàn sáu trăm đô la mỹ.		
(ii)	Nguồn tiền thanh toán (Source of payment) (*)	Số tiền (Amount)
<input type="checkbox"/> Từ TK ngoại tệ số (Debit foreign currency acct number):
<input type="checkbox"/> Từ tiền mặt (Cash).....	
<input type="checkbox"/> Từ nguồn khác (others).....	
<input checked="" type="checkbox"/> Đề nghị VCB bán ngoại tệ (VCB sells foreign currency)		
Cặp đồng tiền giao dịch (Pair of currencies used in the transaction): VND-USD		



Ngày thanh toán (Settlement date): 06/10/2025	
Số lượng ngoại tệ (Amount in Foreign Currency): 26,600.00 USD	
Tỷ giá (Rate): 26.399 VND/USD	
Số tiền thanh toán (Amt in VND): 702,213,400 VND	
<input checked="" type="checkbox"/> Từ TK số (Debit acct number):..... Số tiền (Amount): 702,213,400 VND	
<input type="checkbox"/> Từ tiền mặt (Cash):..... Số tiền (Amount):.....	
3	Ngân hàng trung gian (Intermediary Bank): 56
Tên (Name):	Mã NH (Bank code):
Địa chỉ (Add):	
4	Ngân hàng người hưởng (Beneficiary bank) (*) 57
Tên (Name): Bank of communications Yangzhou branch	Mã NH (Bank code): COMMCNSHYAN
Địa chỉ (Add): No 477, middle Hanjiang road, Yangzhou, Jiangsu, China	
5	Người hưởng (Beneficiary) (*) 59
Tên (Name): JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD	Số TK hoặc số IBAN (Account No or IBAN no): 395068300141000004424
Địa chỉ (Add): NO. 2 XINJI INDUSTRIAL PARK, XINJI TOWN, YIZHENG CITY, JIANGSU PROVINCE, CHINA	Điện thoại (Phone No.): +86-514-83626888
6	Nội dung thanh toán (Details of payment) (*): Thanh toán 70% Contract No. 20250731; Invoice No. 2025SAGA0923 ngày 23/09/2025; 70
7	Phí (Charges) (*) 71
<i>Loại phí (Charge type)</i>	<i>Nguồn thanh toán phí (Source of paying charges)</i>
<input checked="" type="checkbox"/> OUR Phí do người chuyển tiền chịu <i>Charges to be born by remitter</i>	<input type="checkbox"/> Phí trích từ TK số (Debit our account number): 1027349624
<input type="checkbox"/> BEN Phí do người hưởng chịu <i>All charges to be borne by beneficiary</i>	<input type="checkbox"/> Phí nộp bằng tiền mặt (Cash):
<input type="checkbox"/> SHA Phí chia sẻ cho hai bên <i>Charges to be shared</i>	
<input type="checkbox"/> NODEDUCT Phí chi áp dụng cho USD <i>Charge only applicable for USD</i>	
8	Thông tin khác (Other details)
9	Cam kết bổ sung giấy tờ, chứng từ (Commit to provide documents)
(i) Loại giấy tờ, chứng từ bổ sung (Type of documents):	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng mua hàng/ Invoice	<input type="checkbox"/> Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng tái xuất hàng hóa/ Invoice
<input type="checkbox"/> Vận đơn hoặc chứng từ vận tải khác/ Bill of lading or other transport documents	<input checked="" type="checkbox"/> Tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa/ Import Customs Declaration Form
<input type="checkbox"/> Tờ khai hải quan tái xuất hàng hóa hoặc Tờ khai hải quan mới thay thế tờ khai hải quan tạm nhập/ Re-export Customs Declaration Form or Replacement for the temporary-import customs	<input type="checkbox"/> Báo có tiền hàng theo hợp đồng tái xuất hàng hóa hoặc hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyên khẩu/ Credit advice from the sale of the re-exported goods or the border-gate transferred goods

3309
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

	<input type="checkbox"/> Hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu/ <i>Sales contract for the border - gate transferred goods</i> <input type="checkbox"/> Tờ khai hải quan quá cảnh hoặc giấy tờ tương đương/ <i>Declaration for Goods in Transit or relevant documents</i> <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / <i>Enterprise registration certificate</i> <input type="checkbox"/> Chứng từ khác/ <i>Other documents:</i>	<input type="checkbox"/> Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu/ <i>Invoice</i> <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ <i>Investment Registration Certificate</i> <input type="checkbox"/> Chứng minh hoàn thành nghĩa vụ thuế/ <i>Documents to prove our fulfilment of tax obligations</i>		
(ii)	Ngày bổ sung chậm nhất (Deadline): 30/12/2025			
10	Cam kết của người chuyển tiền (Remitter's undertaking)			
	<p>Tôi/Chúng tôi đọc, hiểu và cam kết thực hiện các nội dung tại "Các điều kiện chuyển tiền đi nước ngoài", đồng ý rằng khi đại diện hợp pháp của VCB ký vào Phần dành cho VCB dưới đây thì nội dung "Các điều kiện chuyển tiền đi nước ngoài" này có giá trị ràng buộc Tôi/Chúng tôi.</p> <p><i>I/ We read, understand and commit to the above mentioned Conditions for Overseas Remittance, and agree that when VCB's legitimate representative signs in the Section for VCB below, the Conditions for Overseas Remittance are binding on me/us</i></p>			
	<p>Kế toán trưởng (Chief Accountant) Ký, ghi rõ họ tên (Signature, name)</p> 	<p>Khách hàng chuyển tiền Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (Remitter Account holder signature name & stamp)</p> 		
11	Phần dành cho VCB (For VCB's use only)			
	TTV	Thủ quỹ	Người duyệt 1	Người duyệt 2

39
 T
 H
 M
 X
 TP

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUYỂN TIỀN ĐI NƯỚC NGOÀI

1. Khách hàng (KH) hiểu rằng:
 - a. Ngày giao dịch: Là ngày VCB tiếp nhận 'Yêu cầu chuyển tiền kèm giấy đề nghị mua ngoại tệ giao ngay' (YCCT) từ KH. VCB thực hiện chuyển tiền cùng ngày đối với các YCCT hợp lệ được tiếp nhận trước 15h00'.
 - b. Ngày thanh toán: Là ngày VCB và KH thực hiện chuyển giao số lượng đồng tiền mua, bán theo YCCT hợp lệ đã xác lập.
 - c. Ngày giá trị: Là ngày được ghi trên YCCT, VCB chỉ thực hiện chuyển tiền theo ngày giá trị trên YCCT khi VCB nhận được YCCT hợp lệ trước giới hạn giờ giao dịch của đồng tiền trên lệnh ít nhất hai (02) giờ đồng hồ. Trường hợp Ngày giá trị rơi vào ngày nghỉ Quốc gia/Thị trường của đồng tiền giao dịch, VCB toàn quyền chuyển Ngày giá trị tới ngày làm việc kế tiếp.
 - d. Tỷ giá áp dụng trong YCCT là tỷ giá của VCB được công bố tại Ngày giao dịch.
 - e. Phí chuyển tiền áp dụng theo biểu phí hiện hành của VCB và không được hoàn lại trừ khi có thỏa thuận khác.
 - f. VCB sẽ thanh toán lại cho KH số tiền thực tế mà VCB nhận lại được từ ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giao dịch chuyển tiền không thực hiện được hoặc hủy theo yêu cầu của KH.
 - g. VCB có toàn quyền sử dụng các hệ thống chuyển tiền, lựa chọn Ngân hàng đại lý (NHDL) và phương thức thanh toán phù hợp theo quy định của pháp luật để thực hiện chuyển tiền tới người hưởng mà không cần thông báo lại cho Khách hàng.
 - h. VCB sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro, mất mát, tranh chấp, khiếu nại xảy ra do KH kê khai, cung cấp không đầy đủ, không rõ ràng, không chính xác (các) thông tin YCCT để VCB thực hiện giao dịch theo yêu cầu của KH; do Ngân hàng nước ngoài thực hiện sai chỉ thị của KH; hoặc do các yếu tố gian lận, lừa đảo, hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, hoặc những thiệt hại không trực tiếp hoặc mang tính chất hậu quả.
 - i. VCB không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro, mất mát, thiệt hại nào xảy ra cho KH trong trường hợp Ngân hàng nước ngoài ghi có vào số tài khoản của người hưởng trên lệnh chuyển tiền nhưng tên của chủ tài khoản được ghi có tại Ngân hàng nước ngoài không khớp đúng với tên người hưởng trên YCCT.
 - j. VCB được phép cung cấp thông tin liên quan đến người chuyển tiền và giao dịch chuyển tiền bao gồm nhưng không giới hạn: tên; thông tin trên giấy tờ tùy thân, Đăng ký kinh doanh; địa chỉ; Mã số thuế; ... theo yêu cầu của (i) các Ngân hàng nước ngoài để làm rõ thông tin giao dịch chuyển tiền theo quy định pháp luật (ii) các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
 - k. VCB có quyền từ chối thực hiện giao dịch hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ ngân hàng cho KH trong trường hợp VCB nhận thấy giao dịch có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật hoặc quy định nội bộ của VCB.
2. Khách hàng cam kết:
 - a. Xuất trình đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính rõ ràng, chính xác, trung thực của các thông tin, các chứng từ có liên quan đến việc chuyển tiền theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của nước CHXHCN Việt Nam hiện hành. Trường hợp cần bổ sung chứng từ trước/sau khi VCB thực hiện lệnh chuyển tiền, KH cam kết xuất trình bổ sung đầy đủ các giấy tờ, chứng từ còn thiếu theo yêu cầu và quy định của VCB. Trong trường hợp không bổ sung chứng từ đúng hạn, KH phải gửi văn bản giải trình cho VCB và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật do việc chậm trễ hoặc không bổ sung đầy đủ chứng từ.
 - b. Nguồn tiền thực hiện mua ngoại tệ, nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài là nguồn tiền có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật. KH cam kết và chịu mọi trách nhiệm sử dụng ngoại tệ đúng mục đích, tuân thủ mọi quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối của nước CHXHCN Việt Nam.
 - c. Giao dịch chuyển tiền này chỉ được thực hiện duy nhất tại VCB. Không sử dụng cùng một bộ hồ sơ chứng từ để mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài vượt quá số tiền ghi trên giấy tờ, chứng từ có liên quan và hoặc vượt quá các mức ngoại tệ được phép mua, chuyển, mang ra nước ngoài theo quy định của pháp luật tại một hoặc nhiều ngân hàng được phép.
 - d. Giao dịch chuyển tiền này không liên quan đến gian lận thương mại, hoạt động rửa tiền; tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Giao dịch chuyển tiền này không liên quan đến quốc gia, tổ chức, cá nhân thuộc danh sách cấm vận quốc tế hoặc khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
 - e. Cung cấp cho VCB đầy đủ, rõ ràng, chính xác, trung thực các thông tin trên YCCT và hồ sơ giao dịch liên quan. Chịu mọi rủi ro, chi phí, tổn thất phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không chính xác hoặc không nhất quán.
 - f. Cung cấp/bổ sung thông tin, hồ sơ liên quan đến giao dịch chuyển tiền này theo yêu cầu của ngân hàng nước ngoài kể cả sau khi giao dịch đã được thực hiện.
 - g. Trường hợp mục đích chuyển tiền để mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài, KH phải tuân thủ quy định về mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có liên thông với Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.
 - h. Trường hợp mục đích chuyển tiền để thanh toán hàng hóa tạm nhập, tái xuất, KH cam kết: Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng tái xuất hàng hóa thông qua tài khoản của khách hàng mở tại VCB và sẽ cung cấp cho VCB chứng từ nhận tiền liên quan đến giao dịch này; Thời hạn bổ sung giấy tờ, chứng từ còn thiếu (nếu có) không quá hai (02) tháng kể từ ngày tái xuất thực tế nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày thanh toán hàng tạm nhập.
 - i. Trường hợp mục đích chuyển tiền để kinh doanh chuyên khẩu hàng hóa, KH cam kết nhận tiền thanh toán theo hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyên khẩu về tài khoản của KH tại VCB và sẽ cung cấp cho VCB chứng từ nhận tiền liên quan đến giao dịch này.
 - j. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài: Nguồn tài trợ, viện trợ là các khoản kinh phí từ ngân sách hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ.
 - k. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh: Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong nước và/hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ; KH cam kết chỉ mở một tài khoản VNĐ tại một (01) ngân hàng được phép để tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện.
 - l. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án do tổ chức trong nước và/hoặc tổ chức ở nước ngoài thành lập nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục (tài trợ học bổng), y tế: Nguồn tài trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ; Số tiền chuyển đi tối đa không vượt quá 50.000 USD (Năm mươi nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương một lần chuyển tiền; Chỉ thực hiện việc chuyển tiền tài trợ cho chương trình/quỹ/dự án được nêu trong yêu cầu chuyển tiền duy nhất tại VCB.
 - m. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để trả thưởng cho người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tham gia các chương trình, cuộc thi được tổ chức tại Việt Nam theo các quy định của pháp luật có liên quan: Nguồn tiền trả thưởng từ người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc người cư trú là tổ chức.

- n. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để phân bổ tiền tài trợ cho các thành viên ở nước ngoài tham gia thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học ở Việt Nam và nước ngoài hoặc hoàn trả tiền tài trợ thực hiện các dự án ở Việt Nam theo các cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài: nguồn tiền chuyển đi là nguồn tài trợ tiếp nhận của người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.
- o. Thanh toán cho VCB đầy đủ các khoản phí dịch vụ của VCB và các khoản phí phát sinh do Ngân hàng nước ngoài thu (nếu có).
- p. Chịu mọi rủi ro có thể xảy ra nếu các thông tin cung cấp trên YCCT hoặc hồ sơ liên quan vi phạm chính sách cấm vận của bất kỳ quốc gia và/hoặc bất kỳ tổ chức và/hoặc ngân hàng nước ngoài liên quan.
- q. Xuất trình cho VCB yêu cầu bằng văn bản và các chứng từ có liên quan đến giao dịch chuyển tiền trong trường hợp KH muốn điều chỉnh hoặc hủy giao dịch này và chịu ràng buộc theo quyết định của VCB (nếu có) về việc điều chỉnh hoặc hủy giao dịch theo quy định của VCB.

CONDITIONS FOR OVERSEAS REMITTANCE

1. The Customer understands that:
 - a. Transaction date: is the receipt date by VCB "Application for Remittance and spot FX application form" (hereafter called AFR) presented by the Customer. Eligible AFR will be processed by VCB on the same day if the presentation made before 3.00PM.
 - b. Settlement date: is the date on which VCB and Customer transfer the volume of currency purchased or sold according to the AFR that has been made.
 - c. Value Date: is the date to be indicated on the customer's AFR and is executed by VCB only when Eligible AFR received by VCB 2 working hours before cut-off time applied to the currency of AFR. In the event the value date on AFR fall on non-banking day of the currency, VCB is authorized to change the value date forward to the next working day.
 - d. The exchange rate applied to AFR is the exchange rate quoted by VCB at the time of transaction.
 - e. Remittance fee is applied as per VCB's current Terms and Conditions and shall not be refunded unless otherwise agreed.
 - f. VCB will pay customer the actual amount which VCB receives from foreign bank in case the transaction cannot be performed or cancelled as per customer's request.
 - g. VCB can choose appropriate remittance systems, correspondent banks and payment methods to remit the amount to the beneficiary's bank without notice to the customer.
 - h. VCB will not be responsible for any risks, losses, dispute, complain incurred to the Customer directly or indirectly due to insufficient /unclear/incorrect informations of the transaction provided by customer, the foreign bank's incompliance with the customer's instructions, Fraud, scam, force majeure, incidents that are out of VCB's control or any indirect or consequential damages.
 - i. VCB shall not be responsible for any risks and losses incurred to the Customer in the case the foreign bank credits beneficiary's account number exactly as per the account number provide in Customer's AFR while beneficiary's account name at the foreign bank is inconsistency with the account name under Customer's AFR.
 - j. VCB can provide all information relating to remitter and the transaction, including but not limited to: name; information of identity papers, Business Registration; address; Tax code; ... at the request of (i) Foreign Banks for clarifying the transaction details (ii) Vietnamese authority.
 - k. VCB has right to refuse to perform transactions or temporarily stop providing banking services in case VCB notices signs of violating regulations of law or VCB's internal regulations in the transaction of customers.
2. The Customer pledges that:
 - a. Present in full and be responsible for the clarity, accuracy, integrity of relevant information, documents to the remittance in accordance with the Regulations on Foreign Exchange Control, anti-money laundering, counter-terrorism, prevention and combat of proliferation of weapons of mass destruction of the Socialist Republic of Vietnam. In case Customer is required to supplement documents before/after VCB processed this AFR, Customer commit to submit the supplementary documents according to VCB's regulations right. In case of failure to supplement documents on time, the Customer must take full legal responsibility for the delay or failure to fully supplement documents.
 - b. The source of funds for buy, transfer the payment must be legally originated in accordance with the provisions of law. To use the foreign currency for the eligible purpose and comply with all current Regulations on Foreign Exchange Control of the Socialist Republic of Vietnam.
 - c. This AFR solely is made at VCB. Do not use a set of documents to buy, transfer or carry foreign currency in excess of the amount stated in relevant documents and/or the limitation in accordance with relevant laws at one or various licensed banks.
 - d. Transactions are not related to commercial fraud, money laundering; terrorist financing, financing for proliferation of weapons of mass destruction; countries, organizations and individuals on the list of international embargoes or terrorists, terrorist financing, financing for proliferation of weapons of mass destruction.
 - e. Provide VCB with sufficient and correct information in the AFR and documents related to this transaction. Take all risks and expenses arising from incorrect or inconsistent information provided.
 - f. Provide information and/or documents related to this transaction as the request of the foreign bank even after the transaction has been made.
 - g. In case of the purpose of transaction concerning goods trading via overseas Commodity Exchanges, Customer must comply with regulations for goods purchase and sale through a overseas goods exchange via Vietnam-based goods exchanges connected with such overseas goods exchanges.
 - h. In case of the purpose of transaction concerning temporary import, re-export, the Customer pledges that the sources of money received from the re-export contract must be credited at the customer's account opened at VCB and will provide VCB about relevant documents regarding this transaction. The deadline for supplementing documents (if any) will not exceed 02 months from the actual re-export date but shall not later than 06 months from day that temporary import will be paid.
 - i. In case of the purpose of transaction concerning border-gate transfer of goods, Customer commit to receive payment according to the contract for selling border-gate transfer of goods to the customer's account at VCB and will provide VCB about relevant documents regarding this transaction.
 - j. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to provide donations or aid according to commitments or agreements between the State, the Government or local administrations at all levels and foreign partners: such donations and aid must come from budget funds or funds of donors or aid providers.
 - k. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to provide donations or aid for remedying consequences of disasters,

3-6
NH
VI
DICH
ON
SC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY NHẬN NỢ

Số: 27

Kèm theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20250026/CVHM/KHBB ngày 29/04/2025 và các phụ lục kèm theo (nếu có)

Chúng tôi là:	CÔNG TY TNHH MTV TM&DV NGỌC THƠM	Mã CIF:	4202353
Địa chỉ trụ sở chính:	12/14/18 Đường 49, khu phố 69, phường Hiệp Bình, Tp. HCM		
Điện thoại:	0286.2906631	Fax:	
Người đại diện:	Nguyễn Bảo Thạch	Chức vụ:	Phó Giám đốc
Hợp đồng ủy quyền	201224/2024/UQNT	Ngày:	

Chúng tôi đồng ý nhận nợ với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20240021/CVHM/KHBB ngày 17/04/2024 và các phụ lục kèm theo (nếu có) giữa chúng tôi và Ngân hàng (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng cho vay”) với các nội dung như sau:

Số tiền vay theo Hợp đồng cho vay:	20.000.000.000 đồng Hai mươi tỷ đồng.		
Số tiền đã nhận nợ/Dư nợ đến thời điểm hiện tại:	10,617,418,478 đồng Mười tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, bốn trăm mười tám ngàn, bốn trăm bảy mươi tám đồng.		
Số tiền nhận nợ lần này:	702,213,400 VND (Bằng chữ: Bảy trăm lẻ hai triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng)		
Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay:			
<input checked="" type="checkbox"/> Bảng chuyển vào tài khoản số tiền	Tên đơn vị: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD Tài khoản: 395068300141000004424 Ngân hàng: Bank of communications Yangzhou branch SWIFT: COMMCNSHYAN 702,213,400 VND (Bằng chữ: Bảy trăm lẻ hai triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng)		
Mục đích sử dụng vốn vay:	Thanh toán 70% Contract No. 20250731; Invoice No. 2025SAGA0923 ngày 23/09/2025;		
Thời hạn cho vay:	179 ngày		
Ngày giải ngân vốn cho vay:	06/10/2025	Ngày đến hạn:	03/04/2026
Lãi suất cho vay trong hạn:	<input checked="" type="checkbox"/> Cố định: 6,0%/năm <input type="checkbox"/> Điều chỉnh:		
Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn:	150% Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn		
Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:	10%/ năm trên số dư lãi chậm trả		
Kỳ hạn trả nợ:	Trả nợ gốc:	Cuối kỳ	Trả nợ lãi: Ngày 26 hàng tháng
Chứng từ kèm theo:	Lệnh chuyên tiền	Ngày	06/10/2025
Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay:	Contract No. 20250731; Invoice No. 2025SAGA0923 ngày 23/09/2025	Ngày	



Ngày

Số tiền chúng tôi nhận nợ theo các nội dung nêu trên được Ngân hàng hạch toán ghi nợ vào tài khoản vay của chúng tôi số: tại Ngân hàng.

Chúng tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích theo thỏa thuận với Ngân hàng; trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phù hợp với quy định tại Hợp đồng cho vay.

Chúng tôi cam đoan và cam kết các thông tin, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trong Giấy nhận nợ này mà chúng tôi cung cấp cho Quý Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của chúng tôi. Đối với khoản giải ngân bằng phương tiện tiền mặt, chúng tôi cam kết sẽ bổ sung tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Quý Ngân hàng. Việc nhận nợ theo Giấy nhận nợ này không vi phạm quy định nội bộ của chúng tôi cũng như quy định của Hợp đồng cho vay và quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết (i) Nội dung của (các) bản in hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử và/hoặc hóa đơn điện tử chuyển đổi thành hóa đơn giấy khớp đúng, toàn vẹn nội dung của (các) hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử; (ii) sử dụng (các) hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử này làm chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay tại Ngân hàng, đảm bảo không trùng lặp; (iii) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường tổn thất, thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng trong trường hợp thông tin hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử không trung thực, chính xác và đầy đủ và (iv) Trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp Ngân hàng sau tra cứu phát hiện hóa đơn/TKHQ không hợp lệ.

Giấy nhận nợ này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng cho vay. Giấy nhận nợ này được lập thành 03 bản gốc, Ngân hàng giữ 02 bản gốc, Bên vay giữ 01 bản gốc, các bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau.

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG
TRƯỜNG BP QLN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu nếu có)



NGUYỄN BẢO THẠCH

Số: ...

TP. HCM, ngày 06 tháng 10 năm 2025

V/v Đề nghị giải ngân vốn vay

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Thực hiện quy định tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20250026/CVHM/KHBB ngày 29/04/2025 giữa Công ty TNHH MTV TM & DV Ngọc Thơm và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai và các phụ lục sửa đổi bổ sung nếu có (sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho vay), Công ty TNHH MTV TM & DV Ngọc Thơm đề nghị Quý Ngân hàng tiến hành giải ngân vốn vay như sau:

- Tổng số tiền đề nghị giải ngân vốn vay: 702,213,400 VND (Bằng chữ: Bảy trăm lẻ hai triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng.)
- Ngày giải ngân vốn vay: 06/10/2025
- Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay:
 Chuyển khoản: Chuyển tiền giải ngân vốn vay vào tài khoản sau:

Đơn vị thụ hưởng	Mục đích sử dụng số tiền vay được giải ngân	Số tiền giải ngân (VND)
Tên đơn vị: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD Tài khoản: 395068300141000004424 Ngân hàng: Bank of communications Yangzhou branch SWIFT: COMMCNSHYAN	Thanh toán tiền mua hàng hóa	702,213,400 VND
Tổng số tiền đề nghị giải ngân		702,213,400 VND

- Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán 70% Contract No. 20250731; Invoice No. 2025SAGA0923 ngày 23/09/2025.

Trường hợp giải ngân thanh toán trước cho nhà cung cấp, chúng tôi cam đoan và cam kết:

- Chưa thanh toán số tiền trên tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào;
- Xuất trình bổ sung chứng từ liên quan (hóa đơn, hợp đồng, ...) ngay sau khi hoàn tất giao dịch nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày giải ngân.

Chúng tôi cam đoan và cam kết các thông tin, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trong văn bản đề nghị giải ngân vốn vay lần này mà chúng tôi cung cấp cho Quý Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của chúng tôi. Việc đề nghị giải ngân vốn vay theo văn bản này không vi phạm quy định nội bộ của chúng tôi cũng như quy định của Hợp đồng cho vay và quy định của pháp luật.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



Nguyễn Bảo Chạch

THỎA THUẬN GIAO DỊCH
MUA, BÁN NGOẠI TỆ GIAO NGAY (Hợp đồng)

Số:

Hôm nay ngày 06 tháng 10 năm 2025 (“Ngày giao dịch/Ngày thanh toán”) tại trụ sở của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) – Chi nhánh Đông Đồng Nai, các bên trong Hợp đồng này thực hiện giao dịch mua, bán ngoại tệ (“Giao dịch”) cụ thể như sau:

Điều 1. Thông tin Giao dịch

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI (“VCB” hoặc “Bên Bán”)	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100112437-145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh/Thành phố Đồng Nai cấp ngày 07/04/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/01/2023 Địa chỉ trụ sở: 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.	Người đại diện: Chức vụ:
CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THỜM (“Khách hàng” hoặc “Bên Mua”)	Giấy đăng ký kinh doanh số Mã số thuế: 0309391503 Địa chỉ trụ sở: 12/14/18 Đường 49, khu phố 69, phường Hiệp Bình, Tp. HCM	Người đại diện: Nguyễn Bảo Thạch Chức vụ: Phó Giám đốc
Mục đích sử dụng ngoại tệ	Thanh toán 70% Contract No. 20250731; Invoice No. 2025SAGA0923 ngày 23/09/2025;	
Cặp đồng tiền giao dịch	VND-USD	
Số lượng ngoại tệ	26,600.00 USD Bằng chữ: Hai mươi sáu ngàn sáu trăm đô la mỹ.	<input type="checkbox"/> Tiền mặt <input checked="" type="checkbox"/> Chuyển khoản ghi có Vào tài khoản số: 395068300141000004424 Số tiền: 26,600.00 USD Tên tài khoản: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD Tại ngân hàng: Bank of communications Yangzhou branch
Tỷ giá	26.399 VND/USD	



Số tiền thanh toán	702,213,400 VND Bằng chữ: Bảy trăm lẻ hai triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng.	<input type="checkbox"/> Tiền mặt
		<input checked="" type="checkbox"/> Chuyển khoản ghi nợ Tài khoản số: Số tiền: 702,213,400 VND Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THƠM Tại ngân hàng: VCB – Đông Đồng Nai

Điều 2. Quy định khác

- 2.1 VCB thực hiện thanh toán tương ứng trên cơ sở Khách hàng đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh theo Giao dịch một lần và toàn bộ cho VCB vào Ngày giao dịch/Ngày thanh toán của Hợp đồng. Trường hợp Ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ, Tết của thị trường ngoại tệ Việt Nam và/hoặc của thị trường xử lý thanh toán đối với đồng ngoại tệ trong Giao dịch thì Ngày thanh toán có thể được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp của VCB.
- 2.2 Bên Mua tuân thủ quy định hiện hành về quản lý ngoại hối, chịu trách nhiệm hoàn toàn mục đích sử dụng ngoại tệ xin mua và tính trung thực của các chứng từ liên quan.
- 2.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động hết hiệu lực khi các bên hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này.
- 2.4 Bên Mua cam kết người ký Hợp đồng này là đại diện hợp pháp theo các văn bản quy định nội bộ của Bên Mua và theo quy định của pháp luật và xác nhận chi tiết Giao dịch nêu trên tuân thủ theo đúng các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành.
- 2.5 Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu phát sinh tranh chấp mà các bên không thể giải quyết được thông qua thương lượng thì các bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN VCB

(Ký tên & đóng dấu)

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG



Nguyễn Bảo Chạch

SALES CONTRACT
销售合同

Contract No. 20250731

合同号: 20250731

Date. July 31 2025

日期: 2025.07.31

1. The buyer: 买方

Name of the Buyer: **NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO.LTD**

名称: **NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO.LTD**

Address: 12/14/18 Street 49, Quarter 7, Hiep Binh Ward, Ho Chi Minh City,
Vietnam

地址: 越南胡志明市平兴区第7区49号街道

Tax code: 0309391503 Tel: 028. 629 066 31

税号: 0309391503 电话: 028. 629 066 31

Represented by: **MR NGUYEN BAO THACH** Title: Vice Director

代表: 职位: 副主席

Email: dangxuannngoc@ngocthom.com.vn

邮箱: dangxuannngoc@ngocthom.com.vn

2. The Seller: 卖方

Name of the Seller: **JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO.,LTD**

名称: **江苏赛格纺织机械有限公司**

Address: No. 2 Xinji Industrial Park, Xinji Town, Yizheng City, Jiangsu Province, China

地址: 江苏省仪征市新集镇工业园02号

Tel: +86-514-83626888

电话: +86-514-83626888

Fax: +86-514-83626188

传真: +86-514-83626188



Email: saga@chinasaga.cn

邮箱: saga@chinasaga.cn

Tax code: 91321081757336139T

税号: 91321081757336139T

Represented by: Bao Dequan 包德全

代表: Bao Dequan 包德全

Title: Director

职位: 总经理

SELLER BANK ACCOUNT:

卖方银行信息:

Bank Name: Bank of communications Yangzhou branch

Bank add: No 477, middle Hanjiang road, Yangzhou, Jiangsu, China

Swift code: COMMCNSHYAN

A/C No.: 395068300141000004424

A/C Holder: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

Two parties agree to sign Contract of supplying goods with the following contents:

双方同意签订一份货物供应合同, 其内容如下:

ARTICLE 1. GOODS DETAILS - QUANTITY - VALUE

第 1 条 商品详情 - 数量 - 价格

No	Goods detail细节	Unit 单位	Qty 数量	Unit price 单价 (USD)	Amount 总计 (USD)
1	Uniform roller MH552AF-240 均匀辊MH552AF-240	Piece	2	\$10,000	\$ 20,000
2	Hydraulic system 液压系统	Set	1	\$ 5,000	\$ 5,000
3	Tank of uniform padder 均匀轧车槽	Set	1	\$ 5,000	\$ 5,000
4	Motor and control 电机和控制	Set	1	\$ 3,000	\$ 3,000
5	Seat of machine 机器的底座	Set	1	\$ 3,000	\$ 3,000
6	Transportation CIF HAI PHONG PORT 运输: CIF HAI PHONG PORT	Batch	1	\$ 2,000	\$ 2,000
Total合计 (Price included installation, operation and technology transfer) (价格包含安装、操作及技术转让费用)					\$ 38,000
Total in words: Thirty-eight thousand US dollars 大写: 叁万捌仟美元					

Note:

- The Seller commits to this uniform padder can replace the original one at the customer site.
- Within 7 days from the date of receipt of the goods, if the buyer discovers a defective product, the seller is responsible for exchanging the product for the buyer. Any additional costs incurred shall be borne by the seller.

注意:

- 卖方承诺, 这款均匀轧车可以在客户所在地替换原有的轧车。
- 自收到货物之日起 7 天内, 如果买方发现产品有缺陷, 卖方有责任为买方更换该产品。由此产生的任何额外费用将由卖方承担。

ARTICLE 2. DELIVERY TIME AND CONSIGNEE INFORMATION

第 2 条 交货时间及收货人信息

Delivery time: 60 days after getting the 30 % advance payment

093
ONG
T TH
ONG N
GO
uc

交货时间：收到 30% 预付款后的 60 天内。

Port of receipt: CIF HAI PHONG PORT IN VIET NAM.

收货港：越南海防港（CIF 价格）

Consignee information:

收货人信息

✦ Consignee: NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO.LTD

收货人：

✦ Tax code: 0309391503

税号：0309391503

✦ Address: 12/14/18 Street 49, Quarter 7, Hiep Binh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

地址：越南胡志明市皮平区第七区 49 街 12/14/18 号

✦ Email: dangxuannhoc@ngocthom.com.vn

电子邮件： dangxuannhoc@ngocthom.com.vn

✦ Tel: +84-918424325 (Mr. Dang Xuan Ngoc) or + 84-332046754 (Ms. Nguyen Thi Lan Sy)

电话： +84-918424325 (Mr. Dang Xuan Ngoc) or + 84-332046754 (Ms. Nguyen Thi Lan Sy)

ARTICLE 3. THE SELLER'S RESPONSIBILITIES

第3条 卖方的责任

The Seller commits to supply to the Buyer goods fully as stipulated in the Article 1 of this Contract, simultaneously commit to fulfill fully obligations and responsibilities of the Contract as stipulated in the detailed and general conditions of the Contract.

In case The Seller does not deliver the goods on time stated in the contract other than due to force majeure, The Buyer has the right to request a compensation equivalent to 1.5% of the value of the delayed goods for each days of delay. The compensation level will not exceed 10% of the value of the delayed goods. The maximum delay is one (01) working weeks.

In case of manufacturer's fault, the Seller must promptly repair or replace the Product for the Buyer. Any costs incurred shall be borne by the Seller.

卖方承诺严格按照本合同第 1 条的规定向买方提供货物，并同时全面履行合同中详细和一般条款所规定的各项义务和责任。

若卖方未按照合同规定的时间交付货物（非因不可抗力原因导致），买方有权要求赔偿，赔偿金额为延迟货物价值的 1.5%（按天计算），赔偿金额上限为延迟货物价值的 10%。最长延迟期限为一个工作周。

若因制造商的过错导致卖方未能按时交付货物，卖方必须立即为买方修理或更换产品。由此产生的任何费用均由卖方承担。

ARTICLE 4. THE BUYER'S RESPONSIBILITIES

第4条 买方的责任

The Buyer commits to pay The Seller according to the contract price and payment method stated in Article 5 of this contract as well as fully perform other obligations and responsibilities stated in the contract.

In case the buyer fails to pay within the time specified in the contract, except in cases of force majeure, the seller has the right to request compensation of 1.5% of the

03
TH
H
H
H
H

value of the goods delivered late for each day of late delivery. The compensation amount shall not exceed 10% of the value of the goods delivered late.

买方承诺按照本合同第五条中规定的合同价格和支付方式向卖方付款，并全面履行本合同中规定的其他义务和责任。

若买方未能在合同规定的时间内付款（不可抗力情况除外），卖方有权要求赔偿因延迟交付而多交付货物价值的 1.5%（按天计算），赔偿金额不得超过延迟交付货物价值的10%。

ARTICLE 5. CONTRACT PRICE AND PAYMENT METHOD

第 5 条 合同价格及支付方式

Contract price: 38,000 USD (Thirty-Eight thousand US dollars)

合同价格：38,000 美元

Payment method: 30% TT payment in advance, 70% TT payment upon receipt of a set of documents (including PL, copy of BL, CO, CQ (certificate of conformity provided by the manufacturer), invoice).

The seller shall provide a bank guarantee equivalent to 5% of the total contract value as a delivery guarantee.

付款方式：30% 以电汇方式预先支付，70%在收到一套文件（包括装箱单、提单复印件、原产地证、制造商提供的合格证书、发票和银行保函）后以电汇方式支付。

卖方提供总价5%的银行保函作为交货保函。

The seller shall send the original set of documents to the buyer within 2 days after receiving the payment.

卖方收到货款之后2日内邮寄套文件正本给买方提货。

ARTICLE 6. INSTALLATION, OPERATION AND TECHNOLOGY TRANSFER

第 6 条 安装、运行及技术转让

From the date of the buyer's second payment transfer, the buyer will confirm with the seller the dispatch time within 3 working days. After the dispatch date is

CH
VIỆ
CH
M
CHI

confirmed, the staff must be present at Factory, address: Ninh Binh province, Viet Nam to instruct Party A installation, operation and technology transfer. The buyer need promptly report to the seller the preparations for machine installation in the form of photos, videos and words.

After the machine arrives at the buyer's factory and the installation preparations are completed, the seller shall coordinate with the buyer to arrange arrival at the buyer's factory within 7 days.

The seller shall pay visa fees, round-trip airfare and salaries for employees working in Vietnam.

The buyer will provide board and lodging, shuttles from hotel to factory, including three stars hotel. In the event that the seller's technician encounters health problems during the installation process, the buyer shall provide assistance in transporting the technician to a hospital for medical treatment if necessary.

(Installation time and method of operation transfer will be agreed upon when signing the official contract.)

自买方完成第二次付款转账之日起, 买方需在 3 个工作日内与卖方确认发货时间。发货日期确定后, 工作人员必须前往工厂 (地址: 越南宁平省) 指导甲方进行安装、操作和技术转移。买方需以照片、视频和文字的形式及时向卖方报告机器安装的准备工作情况。

机器到达买方工厂、并做好安装准备工作后, 卖方与买方商定7天内前往买方工厂。

卖方需支付签证费用、往返机票费用以及在越南工作的员工的工资。

买方将提供食宿、从酒店到工厂的班车服务 (包括三星级酒店)。如果卖方的技术人员在安装过程中出现健康问题, 买方如有必要可协助将该技术人员送往医院接受治疗。

(安装时间及操作转移的具体方法将在签订正式合同时确定。)

ARTICLE 7 GUARANTEE

第7条 质保

The guarantee period 12 months from the date of installation acceptance at the factory.

The guarantee provides free replacement or repair of the part which results defective due to manufacture problems though not for damages or breakage due to incorrect use by the end user. The delivery of new parts will be EX-WORKS.

The guarantee does not include housing, expenses and journeys of our technicians for replacement or repairs of the parts under guarantee.

质保期自工厂安装验收之日起 12 个月。

该质保条款规定，对于因制造问题导致的故障部件，提供免费更换或维修服务，但不包括因终端用户不当使用而造成的损坏或断裂情况。新部件的交付将以“工厂交货”方式为准。

该质保条款不包括我们技术人员为更换或维修质保范围内的部件而产生的设备费用、差旅费用及行程费用。

ARTICLE 8. FORCE MAJEURE

第8条 不可抗力事件

Force majeure circumstances such as war, socio-political events, fire, flood, strike, earthquake and act of God must be modified by cable by one party to the other within 7 days.

Beyond this time, Force Majeure circumstances shall not be taken into consideration.

不可抗力事件，如战争、社会政治事件、火灾、洪水、罢工、地震以及天灾等，任何一方都必须在 7 天内通过电报通知另一方。

超过此期限，不可抗力事件将不再被考虑。

ARTICLE 9. THE CONTRACT'S VALIDITY

第9条 合同的有效性

1. The Contract shall be valid since the date of signing.
2. The Contract shall come into invalidity when two parties sign Contract finalization under regulations.

The Contract shall be made into 02 sets with equal validity, the Buyer keeps 01 sets, the Seller keeps 01 Sets.

1. 本合同自签署之日起即生效。
 2. 当双方按照规定签署合同生效文件时，本合同即告无效。
- 本合同应制作成两份具有同等效力的副本，买方保留一份，卖方保留一份。

THE BUYER 买方



Nguyễn Bảo Chạch

THE SELLER 卖方

江苏赛格纺织机械有限公司
JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

SPECIFICATION

详细说明

PRODUCT USAGE:

产品用途:

This machine can be used for padding dyes, resins and other process media for pure cotton, chemical fiber and their blended fabrics, and maintain a certain uniform residual rate for post-process treatment

该机器可用于对纯棉、化纤及其混纺织物进行填充染色、树脂处理及其他加工处理，并能确保一定的均匀残留率，以便后续处理使用。

1. TECHNICAL SPECIFICATIONS

1. 技术说明

No 序号	Criteria 标准	Specification 参数
1	Roller width机械门幅	2400mm
2	Working width工作门幅	2200mm
3	Drive side驱动侧	Two rollers: one is driven (active), the other is passive; both are equipped with hydraulic systems.两根导辊: 一个为驱动(主动), 另一个为被动; 两个均配备了液压系统。
4	Machine speed机械速度	70m/min
5	Air bag气囊	Φ250mm
6	Roller diameter导辊直径	Φ220mm
7	Power of main motor主要电机功率	7.5KW
8	Power of oil pump油泵功率	1.5KW
9	Dyeing tank capacity(total) 染槽容量(总计)	154L
10	Dyeing tank capacity (net) 染槽容量(净容量)	78L
11	Material of rubber橡胶材质	Buna-N rubber, hardness A68°±3°
12	Max linear pressure最大线压力	400 N/cm-500N/cm
13	Max oil pressure最大油压	0.27MPa
14	Color of machine机器颜色	green绿色



2. TECHNICAL CHARACTERISTICS:

2. 技术特点

- The uniform roller of this machine adopts high-quality rubber, which is durable, stable in dyeing effect, reliable in processing quality, and has the properties of aging resistance, oil resistance, wear resistance, corrosion resistance and bending resistance. The air pressure on both sides of the uniform roller. intermediate hydraulic pressure. The internal seals and bearings are made of imported similar products. After strict testing, the sealing performance of the uniform roller is good, the hydraulic pressure is stable and the use effect is significantly improved.

该机器的匀布辊采用优质橡胶制成，具有耐用、染色效果稳定、加工质量可靠的特点，并且具备抗老化、抗油、耐磨、抗腐蚀和抗弯曲的特性。匀布辊两侧的压力。居中的液压压力。内部的密封件和轴承均采用进口同类产品制造。经过严格测试，该均匀滚轮的密封性能良好，液压压力稳定，使用效果显著提升

- This machine adopts a high-precision intelligent control liquid level system, which has excellent operational performance and can display and set the liquid level height arbitrarily. In the automatic operation mode, this liquid level control system actually replenishes fresh liquid material in the feeding tank according to the liquid volume carried by the fabric, ensuring the stability of the liquid level and truly eliminating the color difference before and after the fabric caused by the change of the liquid level of the material.

该机器采用了高精度智能控制液位系统，具有出色的运行性能，并且能够任意显示和设定液位高度。在自动运行模式下，该液位控制系统会根据织物所携带的液体量，向吃料槽中补充新鲜的液体材料，从而确保液位的稳定性，并真正消除了由于材料液位变化而导致的织物前后颜色差异。

- The main pneumatic components of this machine: oil pipes, connectors, using products from Italian Camozzi Company. Pressure gauges from German AB Company. Pressure regulators from Fairchild Company of the United States. Exhaust valves, two-position four-way valves using products from Japanese S.M.C Company. This further improves the sensitivity, accuracy and stability of adjusting the left, middle and right liquor retention of the fabric during the uniform rolling process.

91503
TY TNHH
HÀNH VÀ
MẠI VÀ DỊCH VỤ
C THỐ
TP. HỒ

该机器的主要气动部件包括：油管、连接器，这些产品均来自意大利卡莫齐公司。压力表来自德国 AB 公司。压力调节器来自美国费尔柴尔德公司。排气阀、二位四通阀，这些部件使用的是日本 S.M.C 公司的产品。这进一步提高了在均匀卷曲过程中调节织物左侧、中间和右侧液体留存量的灵敏度、精度和稳定性。

- To ensure stable working pressure and enable the oil circulation to operate at normal temperatures, this machine selects imported oil cooler oil pump motors and manufactures an independent oil station. The oil pressure is stable, there is no noise, it is dust-proof, and the maintenance and repair are convenient.

为确保工作压力稳定，并使油循环能够在正常温度下运行，该机器选用进口的油冷却器油泵电机，并配备了独立的油站。油压稳定，无噪音，防尘性能好，维护和修理都十分方便。

3. OVERALL APPEARANCE:

整体外观：

- The panels of main body are made of stainless steel.
主体框架的面板是由不锈钢制成的。
- The entire machine is painted with plastic coating.
整台机器都涂有塑料涂层。

THE BUYER 买方



Nguyễn Bảo Chạch

THE SELLER 卖方

江苏赛格纺织机械有限公司
JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

江苏赛格纺织机械有限公司

JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

TEL: +86-514-83626555 FAX: +86-514-83626188

COMMERCIAL INVOICE

INVOICE NO.: 2025SAGA0923

DATE: 23SEP2025

TO: NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO.LTD

ADD: 12/14/18 Street 49, Ward 7, Hiep Binh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

DESCRIPTION	Unit	Qty.	Unit price CIF USD	Amount CIF USD
COMMODITY: 1 set of Dyeing padder MH552AF-240 including following parts,				
01, Uniform roller MH552AF-240 HS code 84519000	PCS	2	10000	20000
02, Tank of uniform padder HS code 84519000	Set	1	5000	5000
03, Motor and control HS code 84519000	pcs	1	3000	3000
04, Seat of machine HS code 84519000	set	1	3000	3000
05, Hydraulic system HS code 84519000	Set	1	5000	5000
06, Transportation CIF HAI PHONG PORT	batch	1	2000	2000
TOTAL CIF USD				38000

SAY TOTAL CIF US DOLLARS THIRTY-EIGHT THOUSAND ONLY.

WE THE BENEFICIARY HEREBY CERTIFY THAT THE GOODS SHIPPED ARE STRICTLY IN ACCORDANCE WITH THE TERMS OF CONTRACT.

- A) TRADE TERMS: CIF HAIPHONG PORT VIETNAM, INCOTERM 2020
- B) COUNTRY OF ORIGIN: CHINA
- C) QUANTITY: 100% BRAND NEW
- D) YEAR OF MANUFACTURER: 2025
- E) MANUFACTURER: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD.



Nguyễn Bảo Chạch



Add: No. 2 Xinji Industrial Park, Xinji Town, Yizheng City, Jiangsu Province, China.
E-mail: saga@chinasaga.cn

SAGA

JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

Add: No.2 Xinji Industrial Park, Yizheng City, Jiangsu, China

Tel: +86-514-83626888

Fax: +86-514-83626188

PROFORMA INVOICE

Invoice No.: 2025SAGA0731

Date: Jul 31, 2025

SELLER: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

ADD: NO. 2 XINJI INDUSTRIAL PARK, XINJI TOWN, YIZHENG CITY, JIANGSU PROVINCE, CHINA

BUYER: NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO.LTD

ADD: 12/14/18 Street 49, Ward 7, Hiep Binh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

1, Description of goods Textile Processing Machinery

No	Goods details	Unit	Qty	Unit Price (USD)	Amount (USD)
1	Uniform roller MH552AF-240 HS code 84519000	set	2	\$ 10,000	\$ 20,000
2	Hydraulic system HS code 84519000	Set	1	\$ 5,000	\$ 5,000
3	Tank of uniform padder HS code 84519000	Set	1	\$ 5,000	\$ 5,000
4	Motor and control HS code 84519000	Set	1	\$ 3,000	\$ 3,000
5	Seat of machine HS code 84519000	set	1	\$ 3,000	\$ 3,000
6	Transportation CIF HAI PHONG PORT	batch	1	\$ 2,000	\$ 2,000
Total (Price included installation, operation and technology transfer)					\$ 38,000
Total in words: Thirty-eight thousand US dollars					

2, packing: sea worthy packing (suitable for international sea transport)

3, PI Validity; 30 days from the date of issue.

4, Delivery time: Shipment within 60 days after getting the 30% advance payment.

5, Shipment: CIF HAI PHONG port Vietnam by sea

6, Payment: 30% TT payment in advance, 70% TT payment upon receipt of a set of documents (including PL, copy of BL, CO, CQ (certificate of conformity provided by the manufacturer), invoice). The seller shall provide a bank guarantee equivalent to 5% of the total contract value as a delivery guarantee

7, Port of Loading: Any seaport of China

8, Port of Discharge: HAI PHONG seaport, Vietnam

9, Origin: China

10, Bank details:

BENEFICIERY ACCOUNT DETAIL

Bank Name: Bank of communications Yangzhou branch

Bank add: No 477, middle Hanjiang road, Yangzhou, Jiangsu, China



SAGA

JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

Add: No.2 Xinji Industrial Park, Yizheng City, Jiangsu, China

Tel: +86-514-83626888

Fax: +86-514-83626188

Swift code: COMMCNSHYAN

A/C No.: 395068300141000004424

A/C Holder: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

Bao Dequan



Nguyễn Bảo Chạch



江苏赛格纺织机械有限公司

JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD

TEL: +86-514-83626555 FAX: +86-514-83626188

PACKING LIST

Date: 2025-09-23

TO: NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO.LTD

ADD: 12/14/18 Street 49, Ward 7, Hiep Binh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

DESCRIPTION	G.W. KGS	N.W. KGS	PACKAGE PAKG	MEAS. CBM
Uniform roller MH552AF-240 HS code 84519000, quantity: 2 PCS	359	359	1	4.7
Tank of uniform padder, 1 set HS code 84519000	95	95	0	
Motor and control, 1 set HS code 84519000	86	86	0	
Seat of machine, 1 set HS code 84519000	2500	2500	0	
Hydraulic system, 1 set HS code 84519000	95	95	1	0.3
TOTAL	3135	3135	2	5

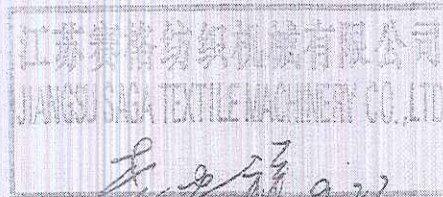
SAY TOTAL ONE PACKAGE ONLY

WE THE BENEFICIARY HEREBY CERTIFY THAT THE GOODS SHIPPED ARE STRICTLY IN ACCORDANCE WITH THE TERMS OF CONTRACT.

- A) TRADE TERMS: CIF HAIPHONG PORT VIETNAM, INCOTERM 2020
- B) COUNTRY OF ORIGIN: CHINA
- C) QUANLITY: 100% BRAND NEW
- D) YEAR OF MANUFACTURER: 2025
- E) MANUFACTURER: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD.



Nguyễn Bảo Chạch



Add: No. 2 Xinji Industrial Park, Xinji Town, Yizheng City, Jiangsu Province, China.
E-mail: saga@chinasaga.cn

江苏赛格纺织机械有限公司

JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD
TEL: +86-514-83626555 FAX: +86-514-83626188

CERTIFICATE OF QUALITY

NO.: 2025004261

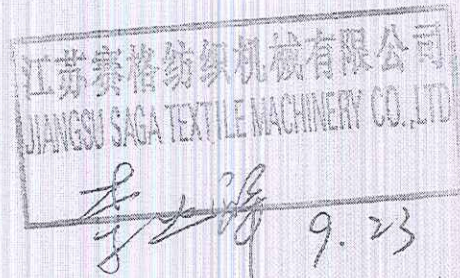
DATE: 2025-9-23

WE THE MANUFACTURER HEREBY CERTIFY THAT ALL THE SPECIFICATION OF THE GOODS SHIPPED ARE AS SAME AS MENTIONED IN THE CONTRACT, ARE STRICTLY IN ACCORDANCE WITH THE TERMS OF CONTRACT.

- A). Contract Number 20250731 Issue Date 20250731
- B). TRADE TERMS: CIF HAIPHONG PORT VIETNAM, INCOTERM 2020
- C). COUNTRY OF ORIGIN: CHINA
- D). MANUFACTURER: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD.
- E). QUANLITY: 100% BRAND NEW
- F). YEAR OF MANUFACTURER: 2025



Nguyễn Bảo Chạch



Add: No. 2 Xinji Industrial Park, Xinji Town, Yizheng City, Jiangsu Province, China.
E-mail: saga@chinasaga.cn

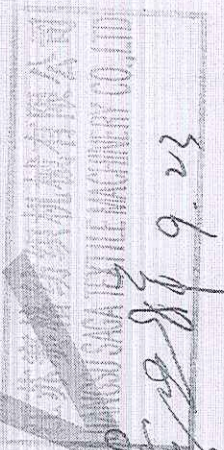


detailed packing list

NO	CSNU241 4930	seal no	goods	package	gross weight	net weight	units	Packaging mode
			Uniform roller MH552AF-240, 2 pcs		3040	3040		bulk
			Tank of uniform padder, 1 set	1			5	bulk
			Motor and control, 1 set					bulk
			Seat of machine, 1 set					bulk
			Hydraulic system, 1 set	1	95	95		bulk
			total	2	3135	3135	5	

WE THE BENEFICIARY HEREBY CERTIFY THAT THE GOODS SHIPPED ARE STRICTLY IN ACCORDANCE WITH THE TERMS OF CONTRACT.

- A) TRADE TERMS: CIF HAIPHONG PORT VIETNAM, INCOTERM 2020
- B) COUNTRY OF ORIGIN: CHINA
- C) QUANTITY: 100% BRAND NEW
- D) YEAR OF MANUFACTURER: 2025
- E) MANUFACTURER: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD



PROFORMA

PAGE: 1 OF 2

Tel: +65 68128288

E-Business: elines.coscoshipping.com

PORT TO PORT OR COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING

1. Shipper Insert Name Address and Phone/Fax JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD. XINJI INDUSTRIAL PARK XINJI TOWN YIZHENG CITY JIANGSU PROVINCE CHINA	Booking No. 7262863770	Bill of Lading No. COAU7262863770
	Export References CSO/AGREEMENT NUMBER 00165929	

2. Consignee Insert Name Address and Phone/Fax NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO. LTD ADDRESS: 12/14/18 STREET 49, QUARTER 7, HIEP BINH WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM	Forwarding Agent and References FMC/CHB No.
	Point and Country of Origin

3. Notify Party Insert Name Address and Phone/Fax NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO. LTD 12/14/18 STREET 49, QUARTER 7, HIEP BINH WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM	(It is agreed that no responsibility shall attach to the Carrier or his agents for failure to notify)	Also Notify Party-routing & Instructions
---	---	--

4. Combined Transport * Pre-Carriage by	5. Combined Transport * Place of Receipt YANGZHOU		
6. Ocean Vessel Voy. No. WANLIZHOU 899 093CE	7. Port of Loading YANGZHOU	Service Contract No.	Doc. Form No. 0
8. Port of Discharge HAI PHONG	9. Combined Transport * Place of Delivery HAI PHONG	Type of Movement FCL / FCL	

Marks & Nos. Container / Seal No.	No. of Container or Packages	Description of Goods (if Dangerous Goods, See Clause 21)	Gross Weight	Measurement
N/M	2 PACKAGES	1. COMMODITY: 1 SET OF DYEING PADDER MH552AF-240 INCLUDING FOLLOWING PARTS, 1.1 UNIFORM ROLLER 2 PCS 1.2 HYDRAULIC SYSTEM 1 SET 1.3 TANK OF UNIFORM PADDER 1 SET 1.4 MOTOR 1 PCS 1.5 SEAT OF MACHINE 1 SET 2. COUNTRY OF ORIGIN: CHINA 3. MANUFACTURER: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD. 4. QUANTITY: 100% BRAND NEW 5. YEAR OF MANUFACTURER: 2025	3135.000KGS	5.0000CBM
TOTAL:	2 PACKAGES	** TO BE CONTINUED ON ATTACHED LIST **	3135.000KGS	5.0000CBM

Declared Cargo Value US\$	Description of Contents for Shipper's Use Only (Not part of This B/L Contract) SAY ONE CONTAINER TOTAL
---------------------------	---

11. Freight & Charges	Revenue Tons	Rate	Per	Amount	Prepaid	Collect	Freight & Charges Payable at / by

Received in external apparent good order and condition unless otherwise stated. The total number of the packages or units, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchants, to which the carrier has no reasonable means and duties of verification. The carrier has issued 3 original Bills of Lading, all of this tenor and date, upon any one of the original Bills of Lading be surrendered and endorsed or signed against the delivery of the shipment, the others shall be void. The merchants agree to be bound by the terms and conditions of this Bill of Lading and Sanctions and the Export Control Compliance Terms as if each had personally signed this Bill of Lading. The complete TERMS AND CONDITIONS appearing on the reverse side of this Bill of Lading and the Sanctions and Export Control Compliance Terms are available at <https://lines.coscoshipping.com/home/HelpCenter/termsAndConditions>. Demurrage and ambiguity or query, please search by Demurrage & Detention Tariff Enquiry. *Applicable Only When Document Used as a Combined Transport Bill of Lading.

Date Laden on Board Signed by:

1201 Date of Issue Place of Issue YANGZHOU

Signed for the Carrier, NEW GOLDEN SEA SHIPPING PTE. LTD.

COPY NON NEGOTIABLE



PROFORMA

Vessel: WANLIZHOU 899

Voyage: 093CE

B/L NO.: COAU7262863770

PAGE: 2 OF 2

Marks & Nos. Container / Seal No.	No. of Container or Packages	Description of Goods (if Dangerous Goods, See Clause 21)	Gross Weight	Measurement
OCEAN FREIGHT PREPAID SHIPPER'S LOAD STOW COUNT AND SEAL ON CY-CY TERM DESTINATION OFFICE ADDRESS: COSCO SHIPPING LINES (VIET NAM) COMPANY LIMITED HAI PHONG BRANCH ROOM 601~611, 6TH FLOOR, SUCCESS BUILDING 3 NO.04 LE THANH TONG STR., HAIPHONG VIETNAM PHONE: 84 225 7302868 FAX: 84 225 3552776				
CSNU2414930 /NA617331 /		2 PACKAGES /FCL/FCL /20GP/		

COPY



COPY NON NEGOTIABLE



1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)
JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD
INDUSTRIAL PARK, XINJI TOWN, YIZHENG
CITY, JIANGSU PROVINCE, CHINA

Reference No. E257573361390002
ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA
PREFERENTIAL TARIFF
CERTIFICATE OF ORIGIN
(Combined Declaration and Certificate)

2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)
NGOC TRON TRADING AND SERVICE CO. LTD
18 STREET 49, WARD 7, HIEP BINH WARD, HO CHI
MINH CITY, VIETNAM

FORM E
Issued in THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA
(Country)
See Overleaf Notes

3. Means of transport and route (as far as known)
Departure date SEP. 24, 2025
Vessel's name / Aircraft etc. WANLIZHOU 899 093CE
Port of Discharge HAIPHONG, VIETNAM
FROM YANGZHOU, CHINA TO HAIPHONG, VIETNAM BY SEA

4. For Official Use
Verification: origin, customs, gov. cn
 Preferential Treatment Given
 Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)
Signature of Authorised Signatory of the Importing Party

5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	TWO (2) IN BULK OF DYEING PADDER, MODEL MH552AF-240 HS CODE: 8451.40 *** ** 1. COMMODITY: 1 SET OF DYEING PADDER MH552AF-240 INCLUDING FOLLOWING PARTS, 1.1 UNIFORM ROLLER 2 PCS 1.2 HYDRAULIC SYSTEM 1 SET 1.3 TANK OF UNIFORM PADDER 1 SET 1.4 MOTOR 1 PCS 1.5 SEAT OF MACHINE 1 SET 2. COUNTRY OF ORIGIN: CHINA 3. MANUFACTURER: JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD. 4. QUANLITY: 100% BRAND NEW 5. YEAR OF MANUFACTURER: 2025	"PE"	3135KGS G.W.	2025SAGA0923 SEP. 23, 2025

11. Declaration by the exporter
The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct: that all the products were produced in
CHINA
(Country)
and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to
VIET NAM
Country)
JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD
Nanjing, China, SEP. 25, 2025
Place and date, signature of authorised signatory

12. Certification
It is hereby certified on the basis of control carried out, that the declaration of the exporter is correct.

Place and date, signature and stamp of certifying authority

13.
 Issued Retroactively
 Movement Certificate
 Exhibition
 Third Party Invoicing

Barcode: 252310005936537
Nanjing, China, SEP. 25, 2025
Place and date, signature and stamp of certifying authority



OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM
INDONESIA
MYANMAR
THAILAND

CAMBODIA
LAOS
PHILIPPINES
VIETNAM

CHINA
MALAYSIA
SINGAPORE

2. **CONDITIONS:** The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:

- (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
- (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).

3. **ORIGIN CRITERIA:** For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. **EACH ARTICLE MUST QUALIFY:** It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. **DESCRIPTION OF PRODUCTS:** The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. **FOR OFFICIAL USE:** The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. **MOVEMENT CERTIFICATE:** In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. **THIRD PARTY INVOICING:** In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. **EXHIBITIONS:** In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. **ISSUED RETROACTIVELY:** In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".



Triplicate



1. Products consigned from (Exporter's business name, address,
 JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO., LTD
 NO. 2 XINJI INDUSTRIAL PARK, XINJI TOWN, YIZHENG
 CITY, JIANGSU PROVINCE, CHINA

Products consigned to (Consignee's name, address, country)
 NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO. LTD
 47/18 STREET 49, WARD 7, HIEP BINH WARD, HO CHI
 MINH CITY, VIETNAM

Reference No. E257573361390002

**ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA
 PREFERENTIAL TARIFF
 CERTIFICATE OF ORIGIN
 (Combined Declaration and Certificate)**

FORM E

Issued in THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA
 (Country)

See Overleaf Notes

3. Means of transport and route (as far as known)

Departure date SEP. 24, 2025

Vessel's name / Aircraft etc. WANLIZHOU 899 093CE

Port of Discharge HAIPHONG, VIETNAM

FROM YANGZHOU, CHINA TO HAIPHONG, VIETNAM BY SEA

4. For Official Use Verification: origin.customs.gov.cn

Preferential Treatment Given

Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)

 Signature of Authorised Signatory of the Importing Party

5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of invoices
1	N/M	TWO (2) IN BULK OF DYEING PADDER, MODEL MH552AF-240 HS CODE: 8451.40 *** **	"PE"	3135KGS G.W.	2025SAGA0923 SEP. 23, 2025

11. Declaration by the exporter

The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in

CHINA
 (Country)

and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to

VIET NAM
 (Country)

江苏赛格纺织机械有限公司
 JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO. LTD
 Nanjing, China, SEP. 25, 2025

Place and date, signature of authorised signatory

12. Certification

It is hereby certified on the basis of control carried out, that the declaration made by the exporter is correct.

南京
ORIGIN
海关

[Handwritten Signature]

13.

Issued Retroactively Exhibition

Movement Certificate Third Party Invoicing

 Nanjing, China, SEP. 25, 2025
 Place and date, signature and stamp of certifying authority